

## CHƯƠNG 1

- **E**m biết không, Nell, – Stas Tarkowski nói với cô em gái người Anh bé nhỏ của mình. – Hôm qua, cảnh sát đã tới bắt vợ viên quản lý Smain cùng với ba đứa con của mẹ ta, chính cái mẹ Fatma đã mấy lần tới văn phòng của ba anh và ba em đấy.

Còn Nell, cô bé đẹp như một bức tranh, thì ngược cặp mắt màu lục nhạt của mình lên nhìn Stas và hỏi về vừa ngạc nhiên vừa sợ hãi:

– Thế họ bắt bà ta bỏ tù à, anh?

– Không, nhưng họ không cho phép mẹ ta đi khỏi Sudan. Đồng thời có một nhân viên tới đây để canh không cho mẹ ta rời một bước khỏi Port Said.

– Sao vậy hả anh?

Stas, cậu thiếu niên vừa hết tuổi mười bốn, tuy rất yêu mến cô em gái tám tuổi của mình, song vẫn xem đó chỉ là một đứa bé non nớt, liền nói với vẻ mặt rất kiêu:

– Khi nào lớn như anh, em sẽ biết không những chỉ mọi chuyện xảy ra dọc kênh đào này, từ Port Said đến Suez<sup>1</sup> mà còn cả trên toàn bộ đất Ai Cập nữa. Thế em không biết gì về Mahdi hay sao?

– Em nghe nói là ông ta xấu xí và không ngoan.

Cậu bé mỉm cười thương hại.

– Hẳn ta có xấu xí hay không thì anh không biết. Những người dân Sudan thì quả quyết rằng hẳn ta đẹp tuyệt vời. Nhưng bảo kẻ đã giết hại gần ấy người là “không ngoan” thì chỉ có thể là một cô nhóc con tám tuổi mặc váy ngắn mà thôi, đấy, chỉ gần tới đầu gối là cùng.

– Ba em bảo thế, ba em biết giỏi nhất.

– Ba bảo em thế vì nói cách khác thì em không hiểu nổi. Giá nói với anh thì ba em đã chẳng bảo thế. Mahdi còn tệ hơn cả một bầy cá sấu. Hiểu chưa? “Không ngoan”! Hay thật! Nói như với bọn trẻ con mới đẻ ấy.

Song chợt nhìn thấy vẻ mặt xịu đi của cô bé, Stas liền nín bặt, sau đó nói tiếp:

– Nell, em biết đấy, anh đâu muốn nặng lời với em. Sẽ đến lúc cả em nữa cũng sẽ mười bốn tuổi. Anh cam đoan với em như thế.

1. Kênh đào Suez là một trong những kênh đào quan trọng nhất thế giới. Kênh ở đông bắc Ai Cập, nối thông Địa Trung Hải với Hồng Hải, dài hơn 160 km. Các hải cảng chính ở hai đầu kênh là Port Said và Suez. Được xây dựng trong khoảng 1859-1869 dưới sự chủ trì của viện sỹ người Pháp F.M. Lesseps (N.D).

– Thế cơ! – Cô bé đáp với cái nhìn đầy lo lắng. – Nhưng nếu như trước đó Mahdi tiến được vào Port Said và ăn thịt em mất thì sao nào?

– Mahdi không phải là kẻ ăn thịt người, nên hẳn không ăn thịt dân chúng mà chỉ giết hại họ thôi. Hẳn cũng chẳng tiến nổi tới Port Said đâu, mà nếu như hẳn có tiến vào được và muốn giết em, thì trước hết hẳn phải đấu với anh đã.

Lời tuyên bố đó cùng với tiếng không khí được hít mạnh vào mũi Stas không hứa hẹn một điều gì tốt lành cho Mahdi, đã khiến Nell yên tâm về sự an toàn của bản thân mình.

– Em biết, – cô bé nói, – anh chẳng chịu nộp em đâu, phải không? Thế nhưng tại sao người ta lại không cho bà Fatma rời khỏi Port Said?

– Bởi vì mẹ ta là em họ của Mahdi. Chồng mẹ ta, gã Smain hứa với chính phủ Ai Cập ở Cairo rằng y sẽ tới Sudan, nơi Mahdi đang ở, để xin tự do cho tất cả những người châu Âu bị rơi vào tay hắn.

– Cái ông Smain ấy là người tốt hả anh?

– Khoan đã nào. Ba em và ba anh, những người hiểu rõ Smain, hoàn toàn không tin hắn ta chút nào, và đã khuyên *pasha*<sup>1</sup> Nubar chớ có tin y. Nhưng chính phủ vẫn đồng ý cử Smain đi, và thế là đã nửa năm nay Smain ở tịt chỗ Mahdi. Tù binh không những không được thả về mà lại

1. Pasha (hay Basha): tước hiệu vương hầu ở các nước Trung Đông.

có tin từ Khartoum cho biết rằng, bọn Mahdi đối xử với họ ngày một tàn tệ hơn, còn lão Smain thì sau khi cuồn tiến của chính phủ đã phản bội. Hắn hoàn toàn ngả hẳn về phía Mahdi và đã được phong tước *emir*<sup>1</sup>. Người ta còn nói rằng, trong trận đánh khủng khiếp mà tướng Hicks bị tử trận, chính Smain đã chỉ huy pháo binh của quân Mahdi, và hình như chính hắn là kẻ đã dạy cho bọn Mahdi cách sử dụng đại bác, loại vũ khí mà trước đó, vốn là những kẻ mọi rợ, chúng hoàn toàn không biết đến. Bây giờ, lão Smain đang muốn đưa vợ con thoát khỏi Ai Cập, cho nên khi mẹ Fatma, con người ngay từ đầu hắn đã biết mọi chuyện mà Smain làm, muốn bí mật chuẩn khỏi Port Said, thì chính phủ liền bắt giữ mẹ ta cùng các con mẹ lại.

– Nhưng chính phủ sẽ được gì ở bà Fatma và lũ con của bà ta hở anh?

– Chính phủ sẽ nói với Mahdi: “Hãy trả cho chúng ta các tù binh của người, chúng ta sẽ trả mẹ Fatma cho người...”.

Câu chuyện tạm bị gián đoạn vì lúc này Stas chợt chú ý đến những con chim đang bay từ phía Eghtum om Farag về phía hồ Menzaleh. Chúng bay khá thấp, trong bầu không khí trong vắt trông rõ mấy con bồ nông với chiếc cổ cong gập lại sát lưng đang khoan thai vỗ những đôi cánh khổng lồ. Stas dõi theo đường bay của chúng, em ngẩng đầu lên, chạy mười bước dọc theo bờ kênh, vừa chạy vừa vung vẩy đôi tay.

1. Emir: chức thủ lĩnh quân sự ở các nước Trung Đông.



TRÊN BỜ KÊNH, NHỮNG CON BỐ NÔNG ĐANG KHOAN THAI  
VỖ NHỮNG ĐÔI CẢNH KHÔNG LỖ BAY VỀ HƯƠNG MẶT HỒ.

- Nhìn kìa anh, có cả chim hồng hạc đang bay nữa kìa!  
– Nell bỗng kêu lên.

Stas đứng sững ngay lại, vì quả thực phía sau đàn bò nông, nhưng cao hơn chúng một tí, có thể trông thấy hai đóa hoa lớn màu hồng và màu đỏ thắm dường như đang treo lơ lửng trên nền trời xanh thắm.

- Hồng hạc! Chim hồng hạc!

– Chiều chiều chúng nó thường bay về tổ của chúng trên vùng đảo đấy, – cậu bé thốt lên. – Ôi, giá mà anh có khẩu súng nhì!

- Anh bắn chúng nó làm gì cơ?

– Phụ nữ không thể hiểu được những chuyện ấy đâu. Nhưng thôi, chúng mình đi tiếp đi, có thể sẽ trông thấy chúng nhiều hơn nữa chẳng.

Vừa nói em vừa dắt tay cô bé; cả hai đi về phía bến tàu đầu tiên trên kênh đào tiếp sau cảng Port Said. Theo sau lưng chúng là bà Dinah, một phụ nữ da đen, ngày trước từng là nhũ mẫu của cô bé Nell. Họ đi dọc bờ đập ngăn nước hồ Menzaleh với kênh đào, trong kênh lúc ấy đang có một chiếc tàu thủy lớn chạy bằng hơi nước của Anh được hoa tiêu dẫn đi. Chiều xuống. Mặt trời hãy còn cao nhưng đã ngả về phía hồ. Làn nước lơ lửng của hồ loang loáng ánh vàng và lung linh phản chiếu muôn sắc cầu vồng. Bên bờ phía Ả Rập, trải dài đến hút tầm mắt là sa mạc trơ trụi, căm lạng, chết chóc, đầy vẻ hằn thù. Giữa bầu trời thủy tinh dường như chết cứng và cái mệnh mông vô bờ bến của mặt cát gợn sóng không hề có một dấu hiệu

gì của sự sống. Trong lúc trên mặt kênh đào cuộc sống đang sôi sục, thuyền bè tấp nập, vang rộn tiếng còi tàu, và trên hồ Menzaleh hàng đàn hải âu và vịt trời đang nhộn nhịp đảo chao trong ánh mặt trời, thì phía bên kia, phía bờ Ả Rập lại giống hệt như xứ sở của cái chết. Chỉ khi mặt trời xuống thấp dần và ngày càng ngả sang màu đỏ thì mặt cát mới dần dần nhuộm màu tím tím, màu tím của những mầm cây non trong các khu rừng Ba Lan về mùa thu.

Trong khi đi về phía bến tàu, bọn trẻ còn trông thấy vài con chim hồng hạc nữa mà chúng vui sướng ngắm không chán mắt. Sau đó, bà Dinah nói rằng đã đến lúc phải quay về nhà. Ở Ai Cập ban ngày thường nóng nực (thậm chí cả trong mùa đông), nhưng ban đêm lại rất lạnh, mà sức khỏe của Nell thì lại đòi hỏi phải hết sức giữ gìn, nên ông Rawlinson, cha của cô bé, không cho phép cô ở lại trên bờ nước sau khi mặt trời lặn. Họ bèn quay trở về thành phố. Vila của ông Rawlinson nằm ngay rìa thành phố, gần bờ kênh đào. Khi mặt trời lặn xuống biển, họ đã về tới nhà. Một lát sau, kỹ sư Tarkowski, cha của Stas, được mời đến dự bữa cơm, cũng tới, và thế là cả nhà, cùng với cô Olivier, cô gia sư người Pháp của Nell, ngồi vào bàn ăn.

Đã từ nhiều năm nay, ông Rawlinson, một trong các giám đốc của công ty kênh đào Suez, và ông Ladislaus Tarkowski, kỹ sư trưởng của công ty này, kết thân với nhau. Cả hai đều góa vợ: bà Tarkowski, vốn dòng dõi người Pháp, đã mất ngay từ khi Stas vừa chào đời, nghĩa là hơn mười ba năm về trước, còn mẹ của Nell thì qua đời vì bệnh phổi tại Helwan khi cô bé mới lên ba. Ở Port Said, hai ông bố

góa vợ sống trong hai ngôi nhà cạnh nhau, và do công việc của mình, ngày nào họ cũng gặp nhau. Nỗi bất hạnh chung khiến họ xích lại gần nhau hơn và làm cho tình bạn vốn có càng thêm bền chặt.

Ông Rawlinson yêu Stas như con đẻ, còn ông Tarkowski thì sẵn sàng nhảy vào lửa và lao xuống nước vì cô bé Nell. Sau khi kết thúc công việc hằng ngày, phút nghỉ ngơi thú vị nhất đối với họ là được trò chuyện về bọn trẻ, về việc giáo dục và về tương lai của chúng. Trong những câu chuyện đó, ông Rawlinson thường khen ngợi năng khiếu, nghị lực và lòng can đảm của Stas, còn ông Tarkowski thì lại say sưa với khuôn mặt thiên thần ngọt ngào của Nell. Và cả hai điều ấy đều là sự thật. Tuy hơi kiêu căng và hơi khoác lác một chút, nhưng Stas học rất giỏi và các thầy giáo ở trường dạy tiếng Anh tại Port Said, nơi cậu bé học, đều công nhận rằng em có những năng khiếu khác thường. Nếu nói về lòng dũng cảm và tính tháo vát thì em được thừa hưởng ở người cha, vì ông Tarkowski có được những đức tính ấy ở trình độ cao, và cũng chính nhờ có chúng mà ông đã vươn tới cương vị cao cấp hiện tại.

Năm 1863<sup>1</sup>, ông đã chiến đấu suốt mười một tháng liền không ngơi nghỉ, sau đó ông bị thương, bị bắt, rồi bị đày đi Siberia, ông chạy trốn về Nga rồi thoát ra nước ngoài. Trước khi tham gia khởi nghĩa, ông đã tốt nghiệp kỹ sư,

1. Năm 1863, nhân dân Ba Lan khởi nghĩa chống sự thống trị của Nga hoàng. Cuộc khởi nghĩa bắt đầu từ tháng Giêng năm 1863 và kéo dài đến mùa thu năm 1864.



nhưng sau đó, ông còn dành thêm một năm nữa để nghiên cứu thủy lực học. Rồi sau đó, ông tìm được việc làm ở kênh đào, và chỉ trong vài năm, khi người ta đã đánh giá được sự am tường công việc, nghị lực cùng tính cần cù của ông, ông được nhận cương vị kỹ sư trưởng cao quý ấy.

Stas được sinh ra, nuôi dưỡng và lớn đến năm mười bốn tuổi ngay tại hải cảng Port Said trên kênh đào, nên các kỹ sư, bạn đồng nghiệp của cha em, thường gọi em là “đứa con của sa mạc”. Khi đang đi học, thỉnh thoảng, trong những dịp nghỉ hè hay nghỉ lễ, em lại được cùng với cha hoặc ông Rawlinson tham gia các chuyến đi công vụ của họ từ Port Said đến tận Suez để kiểm tra công việc trên bờ kênh cùng việc nạo vét lòng kênh. Em quen hết thầy mọi người, từ các kỹ sư và nhân viên thuế quan, đến công nhân, những người Ả Rập và người da đen. Em “lùng sục” khắp nơi mọi chốn, tại bất cứ nơi nào đặt chân tới, và dần dần tiến hành những chuyến đi dài dọc theo bờ kênh, đi thuyền trên hồ Menzaleh và nhiều lần bơi thuyền ra khá xa. Em đã từng vượt sang phía bờ Ả Rập, và nhảy đại lên lưng một con ngựa của ai đó, hoặc nếu thiếu ngựa thì lạc đà hay thậm chí cả lừa cũng được, đóng vai một tay kỵ sỹ dũng cảm của sa mạc. Tóm lại, nói như ông Tarkowski, em “chui rúc” khắp mọi nơi, và hễ rảnh rỗi một chút ngoài giờ học là lại lẩn ngay ra bờ nước.

Người cha không ngăn cản chuyện đó, vì ông hiểu rằng, việc chèo thuyền, cưỡi ngựa và sự tiếp xúc thường xuyên với không khí trong lành sẽ củng cố thêm sức khỏe của đứa trẻ, đồng thời phát triển tính tháo vát của nó. Stas cao

và khỏe hơn nhiều so với những đứa trẻ cùng tuổi, và chỉ cần nhìn vào cặp mắt cậu bé cũng có thể dễ dàng đoán được rằng, nếu lâm vào một chuyện hiểm nguy nào đó thì chắc hẳn cậu bé sẽ dễ phạm sai lầm do quá háng hái hơn là vì khiếp sợ. Mới mười bốn tuổi đầu, em đã là một trong những tay bơi lội giỏi nhất ở Port Said, điều này không phải là chuyện xoàng, bởi dân Ả Rập và người da đen vốn bơi lội giỏi như cá. Trong khi nhả đạn vào lũ vịt trời và ngỗng trời Ai Cập bằng khẩu súng săn cỡ nhỏ, cậu bé đã rèn luyện cho mình có được cánh tay và con mắt bắn trăm phát trăm trúng. Em ước ao một ngày nào đó sẽ được đi săn các loài thú lớn ở Trung Phi, háo hức lắng nghe chuyện những người Sudan làm thuê ở vùng kênh đào, những người này đã từng gặp thú dữ và bọn thú da dày khổng lồ tại quê hương họ.

Điều này còn có thêm một cái lợi nữa là vừa nghe chuyện, cậu bé vừa học được ngôn ngữ của họ. Kênh đào Suez không những chỉ đào thông là xong mà còn đòi hỏi phải thường xuyên chăm lo tu sửa, vì nếu không thì chỉ trong vòng một năm thôi, cát từ các sa mạc nằm dọc hai bờ kênh sẽ lấp biển nó đi. Cái công trình khổng lồ này của ông Lesseps<sup>1</sup> kéo theo một sự lao động liên tục và đòi hỏi phải thường xuyên cảnh giác. Do vậy, cho tới nay, có hàng

1. F.M. Lesseps (1805-1894): nhà ngoại giao và doanh nghiệp người Pháp – viện sỹ Viện Hàn lâm khoa học Pháp, người tổ chức đào kênh Suez (1859-1869). Ông cũng là người tổ chức đào kênh Panama (1879-1889) và chính vì việc này mà ông bị phá sản.

loạt máy móc khổng lồ cùng hàng nghìn công nhân, dưới sự giám sát của các kỹ sư thành thạo công việc, lao động nạo vét lòng kênh. Để đào thông con kênh này đã từng phải dùng tới sức của hai mươi lăm nghìn người lao động. Giờ đây, khi công trình đã hoàn thành và lại được trang bị những máy móc hoàn thiện hơn, thì cần ít người hơn hẳn so với trước kia, song số lượng nhân công cho đến nay vẫn còn rất lớn. Trong đó, đại đa số là cư dân trong vùng, cũng không thiếu mặt dân Nubia, Sudan, Somali cùng nhiều dân tộc da đen khác sinh sống ở vùng sông Nile Trắng và sông Nile Xanh, nghĩa là trong những vùng thuộc phạm vi cai trị của chính phủ Ai Cập, trước khi nổ ra cuộc khởi loạn của Mahdi. Stas sống thân mật với mọi người và cũng giống như những người dân Ba Lan khác, vốn sẵn có năng khiếu ngoại ngữ, em nắm được nhiều thứ thổ ngữ của họ mà chính bản thân em cũng không rõ từ khi nào và tại làm sao nữa. Sinh trưởng ở Ai Cập, em nói tiếng Ả Rập như một người Ả Rập chính cống. Nhờ có những người Zanzibar thường được thuê làm thợ đốt lò phục vụ các thứ máy móc, em học được tiếng Kiswahili, thứ tiếng rất phổ biến trong toàn bộ miền Trung Phi, thậm chí em có thể trò chuyện với những người da đen Dinka và Shilluk lúc sinh sống ở vùng hạ lưu sông Nile, phía dưới Fashoda<sup>1</sup>. Ngoài ra, em nói thạo tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Ba Lan, vì cha em là một người yêu nước nhiệt thành, rất quan tâm đến chuyện làm sao cho cậu bé nói được tiếng nói quê hương.

1. Fashoda (nay là Kodok) – một thành phố ở Nam Sudan.

Dĩ nhiên, Stas coi tiếng Ba Lan là thứ ngôn ngữ hay nhất trên thế giới, và cậu bé đã dạy cho bé Nell nói tiếng Ba Lan với không ít thành công. Có điều em không làm sao dạy cho cô bé phát âm được đúng tên em là Stas chứ không phải “Stes”. Cũng chính vì lý do đó mà đôi khi giữa hai đứa trẻ xảy ra chuyện bất hòa, song những chuyện bất hòa đó cũng chỉ kéo dài cho tới khi cặp mắt cô bé bắt đầu long lanh những giọt lệ mà thôi. Và khi ấy, “Stes” bèn xin lỗi, đồng thời thường tự giận mình.

Song cậu bé có một thói quen xấu là hay tỏ vẻ khinh thường khi nói về chuyện Nell mới lên tám và so sánh điều đó với tuổi tác và kinh nghiệm sống của bản thân mình. Em cho rằng một thiếu niên mười bốn tuổi, dẫu vẫn chưa hoàn toàn là người lớn, nhưng đã không còn là trẻ con nữa, và đã có khả năng thực hiện được mọi hành động anh hùng, đặc biệt là khi thiếu niên ấy mang trong mình dòng máu Ba Lan hòa dòng máu Pháp. Em khao khát một lúc nào đó sẽ có hoàn cảnh để thực hiện những hành động anh hùng như thế, nhất là để bảo vệ Nell. Cả hai thường tưởng tượng ra đủ mọi loại hiểm nguy khác nhau, và Stas thường phải trả lời các câu hỏi của Nell xem em sẽ làm gì, nếu như nói thí dụ – một con cá sấu dài mười mét, hoặc một con bọ cạp to bằng con chó bò qua cửa sổ vào nhà cô bé. Song cả hai không một phút nào ngờ được rằng, chẳng bao lâu nữa, thực tế kinh khủng sẽ vượt xa mọi điều tưởng tượng của chúng.

## CHƯƠNG 2

**T**rong bữa cơm, có một tin vui chờ đón hai đứa trẻ. Vài tuần trước đây, hai ông Tarkowski và Rawlinson, với tư cách là những kỹ sư lành nghề, được mời đến xem xét và đánh giá công việc trên toàn bộ mạng kênh rạch ở tỉnh El-Faiyum, trong vùng lân cận thành phố Medinet gần hồ Karoun, cũng như vùng dọc theo sông Yussef và sông Nile. Họ sẽ ở lại đó chừng một tháng và đã được công ty của họ cho nghỉ phép để làm việc đó. Vì lễ Thiên Chúa giáng sinh sắp tới, mà cả hai đều không muốn chia tay với bọn trẻ, nên họ quyết định rằng cả Nell lẫn Stas sẽ đi tới Medinet. Nghe tin này, bọn trẻ suýt nhảy vọt lên vì vui sướng. Cho tới nay, chúng chỉ mới được biết các thành phố nằm dọc kênh đào, đó là Ismailia và Suez, còn ngoài vùng kênh là các thành phố Alexandria và Cairo. Chúng cũng đã được tham quan các kim tự tháp khổng lồ và tượng Nhân sư ở gần thành phố Cairo. Song đó chỉ toàn là những chuyến đi ngắn ngủi, trong khi đó, muốn tới được Medinet El-Faiyum,

chúng sẽ phải ngồi tàu hỏa suốt cả một ngày trời dọc theo sông Nile về phía nam, rồi sau đó, từ El-Wasta trở đi, rẽ về phía tây, về phía sa mạc Libya. Stas đã được nghe nói về thành phố Medinet qua câu chuyện của các kỹ sư trẻ và các du khách từng được đi tới đó để săn bắn các loài chim nước cùng chó sói sa mạc và linh cẩu. Em biết rằng đó là một ốc đảo lớn nằm ở hữu ngạn sông Nile, nhưng không chịu ảnh hưởng của các trận lụt do con sông này gây ra, mà có thủy hệ riêng, được tạo nên bởi hồ Karoun, sông Bahr Yussef, cùng cả một hệ thống kênh rạch nhỏ khác nữa. Những người từng thấy cái ốc đảo này đều nói rằng mặc dù vùng đất này vẫn thuộc về Ai Cập, nhưng do bị ngăn cách bởi sa mạc, nên nó tạo thành một chỉnh thể biệt lập hoàn toàn. Chỉ có riêng dòng sông Yussef, trông giống như một sợi dây mỏng mảnh màu xanh lơ là mối liên hệ giữa vùng này với thung lũng sông Nile. Sự đổi dào về nước, độ phì nhiêu của đất và sự phong phú tuyệt vời của hệ thực vật đã khiến cho vùng này gần như trở thành một thiên đường trên mặt đất, còn những di tích trải trên một diện tích rộng lớn của thành phố cổ Crocodilopolis thì thu hút hàng trăm du khách tới đây viếng thăm. Riêng Stas thì chủ yếu là bị hấp dẫn bởi bờ hồ Karoun đầy các loài chim nước và những chuyến đi săn chó sói trong vùng đồi núi hoang mạc Gebel El-Sedment.

Nhưng mãi mấy ngày nữa bọn trẻ mới bắt đầu được nghỉ lễ, mà sự kiểm tra công việc ở vùng kênh lại khẩn cấp, khiến các ông bố không thể chờ đợi mất thì giờ, nên họ bèn sắp xếp rằng họ sẽ khởi hành ngay, còn bọn trẻ sẽ

cùng với cô Olivier xuất phát sau một tuần lễ. Cả Nell lẫn Stas đều muốn được cùng đi ngay, nhưng Stas không dám đề nghị. Cả hai liền bắt đầu hỏi han đủ mọi thứ chuyện liên quan tới chuyến đi, và chúng lại náo nức vui sướng một lần nữa khi được biết rằng, chúng sẽ không phải nghỉ ngơi trong các khách sạn thiếu thốn tiện nghi của người Hy Lạp, mà sẽ nghỉ trong những chiếc lều do Hội du lịch của Cook<sup>1</sup> cung cấp. Các du khách từ Cairo đến thăm Medinet, thậm chí dù họ có lưu lại đó một thời gian dài đi nữa, cũng thường sống theo cách đó. Công ty Cook cung cấp cho họ lều trại, người phục vụ, lương thực dự trữ, lừa, ngựa, lạc đà cùng người dẫn đường, nên du khách chẳng hề phải lo nghĩ chuyện gì cả. Quả tình đó là một phương thức du lịch khá tốn kém, nhưng ông Tarkowski và ông Rawlinson không cần phải quan tâm tới chuyện đó, vì mọi chi phí sẽ do chính phủ Ai Cập đài thọ, chính phủ này đã mời họ tới đánh giá và kiểm tra công việc tại vùng kênh với tư cách là những chuyên gia giỏi. Cô bé Nell vốn thích cưỡi lạc đà hơn tất cả mọi chuyện khác trên đời, nên được cha hứa rằng sẽ cho nhận riêng một con tuần mã có bướu, trên đó cô bé sẽ cùng với cô Olivier, bà Dinah, hoặc thỉnh thoảng cùng với Stas, tham gia vào những chuyến đi chơi trong những vùng sa mạc lân cận và tới Karoun. Ông Tarkowski hứa với Stas rằng sẽ cho phép em đi săn chó sói ban đêm, và nếu như em mang được chúng chỉ học tập giỏi từ trường về, thì sẽ được thưởng một khẩu súng săn Anh chính hiệu, cùng với

1. Cook: tên một công ty tư bản lớn ở nước ngoài.

mọi thứ đồ nghề cần thiết cho thợ săn. Vì Stas hoàn toàn tin chắc vào kết quả học tập của bản thân, nên ngay lập tức em bắt đầu tự cho mình đã là chủ nhân của một khẩu súng săn và tự nhủ sẽ dùng khẩu súng ấy thực hiện biết bao kỳ công để đời đời được ghi nhớ.

Với lũ trẻ đang vui mừng, bữa ăn trôi qua trong những dự kiến và những câu chuyện như vậy. Riêng cô Olivier tỏ ra tương đối ít nhiệt tình nhất với chuyến đi, bởi cô ngại phải rời xa cái biệt thự đầy đủ tiện nghi ở Port Said này; cô kinh hoàng khi nghĩ tới chuyện sẽ phải sống hàng mấy tuần trong lều, và nhất là chuyện cưỡi lạc đà. Cô đã được thưởng thức vài lần các chuyến đi kiểu ấy, điều mà bất cứ người dân châu Âu nào sống ở Ai Cập cũng đều làm thử vì tò mò. Song bao giờ các chuyến đi ấy cũng bị kết thúc chẳng mỹ mãn chút nào. Một lần, con lạc đà đứng lên sớm quá, khi cô chưa kịp ngồi vững trên bành, kết quả là cô bị tuột từ trên lưng nó xuống đất. Một lần khác, một chú lạc đà một bướu, hẳn không thuộc loại dễ khiển, đã lắc cô đến nỗi hai ngày sau cô vẫn chưa hoàn hồn. Tóm lại, nếu như Nell, sau vài chuyến được ông Rawlinson cho phép đi như thế, cam đoan rằng trên đời này không có gì sướng hơn là việc cưỡi lạc đà, thì cô Olivier lại chỉ nhớ toàn những ấn tượng khó chịu mà thôi. Cô bảo rằng chuyện đó có thể là tốt đối với người Ả Rập, hoặc đối với một “cái kẹo” bé bỏng như Nell, cô bé bị lắc chẳng đáng là bao, chẳng khác nào một chú ruồi đổ lên bướu lạc đà, song chẳng thích hợp chút nào đối với những người có tuổi, chẳng nhẹ nhàng gì, mà lại có xu hướng dễ bị say sóng. Còn nếu nói về Medinet



El-Faiyum thì cô lại còn có thêm những lo lắng khác nữa. Ở Port Said cũng như ở Alexandria, Cairo và trên toàn Ai Cập, người ta chẳng bàn tán gì khác hơn ngoài chuyện khởi loạn của Mahdi và sự tàn ác của bọn phiến loạn. Cô Olivier không biết chính xác thành phố Medinet nằm ở đâu, nên cô lo ngại, không hiểu nó có nằm quá gần bọn Mahdi hay chẳng, và thế là cô bèn hỏi ông Rawlinson điều đó.

Song ông chỉ mỉm cười và nói:

– Hiện nay Mahdi đang bao vây thành phố Khartoum, trong đó tướng Gordon đang cố thủ. Cô có biết Medinet cách Khartoum bao xa không?

– Tôi chẳng có khái niệm gì về chuyện đó cả.

– Cũng xấp xỉ bằng từ đây tới đảo Sicily vậy, – ông Tarkowski giải thích.

– Vàng, gần bằng, – Stas khẳng định. – Khartoum nằm tại điểm mà sông Nile Trắng và Xanh hòa vào nhau tạo thành một dòng chung. Từ chỗ chúng ta tới đó còn cách cả một khoảng không gian mênh mông của đất Ai Cập và toàn bộ miền Nubia.

Tiếp đó em còn muốn thêm rằng dù cho Medinet có nằm gần vùng khởi loạn đi chăng nữa, thì đã có em tại đó với khẩu súng của mình, nhưng em chợt nhớ lại rằng đã nhiều lần bị cha quở mắng vì những lời huênh hoang tương tự, nên vội nín lặng.

Hai ông bố lại bắt đầu nói sang chuyện Mahdi và cuộc khởi loạn, vì đó là vấn đề quan trọng bậc nhất có quan hệ

tới Ai Cập. Tin tức từ Khartoum đưa về rất xấu. Đã từ một tháng rưỡi nay, những bộ tộc man rợ bao vây chặt thành phố này, chính phủ Ai Cập và chính phủ Anh thì phản ứng rất chậm chạp. Mãi đến bây giờ đạo viện binh giải vây mới vừa lên đường, và người ta e rằng, mặc dù có ánh vinh quang, lòng can trường và năng lực của tướng Gordon, song thành phố quan trọng này sẽ bị lọt vào tay bọn dã man mất. Ông Tarkowski cũng có ý kiến như thế, ông ngờ rằng, Anh quốc thậm mong sao Mahdi chiếm lấy Sudan của Ai Cập để rồi sau đó họ sẽ chiếm lại miền đất này từ tay Mahdi, và biến miền đất mênh mông này thành tài sản nước Anh. Song ông không trao đổi với ông Rawlinson những điều nghi ngờ ấy, vì không muốn xúc phạm đến những tình cảm ái quốc của bạn.

Gần cuối bữa ăn, Stas hỏi tại sao chính phủ Ai Cập lại chiếm cứ tất cả các nước nằm về phía nam Nubia là Kurdufan, Darfur và Sudan cho đến tận Albert Nyanza, và tước đoạt quyền tự do của dân cư những miền đất đó. Ông Rawlinson quyết định giải thích cho cậu bé: tất cả những gì mà chính phủ Ai Cập làm đều là thực hiện theo chỉ thị của Anh quốc, bởi nước Anh đang nắm quyền bảo hộ Ai Cập và về thực chất thì đang thống trị nước này một cách tùy ý.

– Chính phủ Ai Cập không tước đoạt tự do của bất cứ một ai cả, – ông nói, – mà ngược lại, còn mang lại tự do cho hàng trăm nghìn, thậm chí hàng triệu người. Trong thời gian gần đây, ở Kurdufan, ở Darfur và Sudan không có một quốc gia độc lập nào tồn tại cả. Chỉ thắng hoặc ở nơi này nơi nọ, một tiểu thủ lĩnh nào đó dùng bạo lực áp đặt

chính quyền của mình sang một miền đất khác và chiếm đoạt vùng đất ấy, không thèm để ý tới nguyện vọng của các cư dân địa phương. Còn trên đại thể, những miền này quần tụ các bộ tộc độc lập của người Ả Rập pha da đen, nghĩa là những bộ tộc mang trong mình dòng máu của cả hai chủng người đó. Các bộ tộc này luôn luôn sống trong tình trạng chiến tranh liên miên. Họ tấn công nhau, cướp của nhau ngựa, lạc đà, súc vật có sừng và trước hết là nô lệ. Đồng thời họ phạm không biết bao nhiêu điều tàn bạo. Nhưng tệ hại nhất là bọn thương gia săn ngà voi và săn nô lệ. Chúng gần như tạo thành một giai cấp riêng biệt, bao gồm hầu hết các tộc trưởng và những thương nhân giàu có. Chúng tiến hành những cuộc săn lùng có vũ trang vào sâu trong lục địa Phi châu, cướp đi ngà voi và bắt sống hàng nghìn người, cả đàn ông, đàn bà, trẻ con. Chúng triệt phá các làng mạc và trại ấp, phá hoại đồng ruộng, khiến máu chảy thành sông và giết hại không thương tiếc tất cả những ai muốn chống cự lại. Nhiều vùng ở miền nam Sudan, Darfur và Kurdufan, cũng như vùng thượng nguồn sông Nile cho tới tận hồ lớn, không còn một bóng người. Song bọn cướp Ả Rập này mỗi ngày tiến thêm một xa, đến nỗi cả vùng Trung Phi trở thành vùng đất của máu và nước mắt. Anh quốc, như cháu biết, vốn săn đuổi bọn thương nhân buôn bán nô lệ trên toàn thế giới, bèn đồng ý để chính phủ Ai Cập chiếm Kurdufan, Darfur và Sudan, đó là cách duy nhất buộc lũ cướp phải từ bỏ cuộc buôn bán bản thủ ấy đi, là cách duy nhất để giữ chúng trong vòng kiểm tỏa. Những người da đen bắt hạnh thờ phào nhẹ nhõm, những cuộc tấn công ăn cướp lảng dần, và người ta bắt đầu được

sống có luật lệ. Dĩ nhiên tình hình ấy khiến bọn lái buôn không thỏa mãn. Vậy nên, khi mà trong số chúng nó có tên Mohammed Ahmed, bây giờ được gọi là Mahdi, tên này bắt đầu kêu gào phát động một cuộc chiến tranh tôn giáo về hình thức, lấy cớ rằng tại Ai Cập lòng tin vào đức Mahomet đang bị suy giảm, thì tất cả bọn chúng đều cầm lấy vũ khí. Và thế là bùng nổ cuộc chiến tranh khủng khiếp này, cuộc chiến tranh mà cho tới nay rất bất lợi cho người Ai Cập. Trong tất cả các trận chiến đấu, Mahdi đều đánh bại quân chính phủ, chiếm Kurdufan, Darfur, Sudan; hiện nay, các bộ tộc của hắn đang vây hãm Khartoum và tiến về phía bắc tới tận biên giới Nubia.

– Nhưng liệu hắn có tiến được tới Ai Cập không ạ? – Stas hỏi.

– Không, – ông Rawlinson trả lời, – Mahdi quả có nói rằng, hắn sẽ đánh chiếm toàn thế giới, song đó chỉ là một con người mộng muội, không hiểu gì cả. Hắn sẽ không bao giờ chiếm được Ai Cập vì Anh quốc không khi nào cho phép chuyện đó xảy ra.

– Thế nếu như quân đội Ai Cập hoàn toàn tan rã thì sao?

– Khi đó quân đội Anh sẽ thay, mà quân đội Anh thì chưa từng có ai thắng nổi bao giờ.

– Thế tại sao người Anh lại cho phép Mahdi chiếm ngân ấy nước?

– Sao cháu biết là Anh quốc cho phép? – Ông Rawlinson nói. – Anh quốc chẳng bao giờ phải vội vã cả, bởi Anh quốc là quốc gia vĩnh cửu.